

Số: 68 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thực hiện Quyết định số 103/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, ngày 25/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành tại trụ sở của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100625 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28/4/2023.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su.

- Điện thoại giao dịch: 02438583656; Fax: 02438583644.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 118.00000.3627 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa.

+ Tài khoản số 2110006591 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc; văn phòng làm việc tại trụ sở chính và 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình, Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Đà Nẵng và Xí nghiệp Luyện cao su Xuân Hòa).

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm thanh tra): 766 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp thông báo trong nội bộ, đăng trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và qua Trung tâm dịch vụ việc làm. Doanh nghiệp trực tiếp phỏng vấn và tuyển dụng người lao động ứng tuyển.
- Không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp ký kết hợp đồng học nghề với 09 người để làm việc cho doanh nghiệp. Hợp đồng học nghề không có nội dung “thời hạn cam kết phải làm việc sau khi đào tạo”.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm thanh tra:
 - + Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: không.
 - + Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 764 người.
 - + Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 764 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 688 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 76 người.
 - + Số người thử việc: 02 người. Doanh nghiệp chưa ký hợp đồng thử việc theo quy định (có quyết định về thử việc với người lao động, trong đó chỉ xác định tiền lương trong thời gian thử việc, thời gian thử việc 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên).
 - + Số người lao động thuê lại: không.
 - + Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.
- Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động thỏa thuận mục công việc phải làm ghi “do trưởng phòng trực tiếp phân công” hoặc “do giám đốc xí nghiệp trực tiếp phân công”.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 55 người lao động thôi việc, doanh nghiệp chưa trả trợ cấp thôi việc cho 08 người lao động vào làm việc trước ngày 01/01/2009 theo quy định, cụ thể:

TT	Họ Tên	Ngày Sinh	Số BHXH	Thời gian bắt đầu làm việc theo HĐLĐ	Thời gian nghỉ việc	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Văn Quốc	14/12/1970	2601003634	09/1998	03/02/2023	Thái Bình
2	Vũ Thị Huế	02/04/1987	3409021161	09/2008	14/9/2023	Thái Bình
3	Bùi Thị Thanh Hương	01/05/1981	0101020463	06/2000	01/06/2023	Hà Nội
4	Nguyễn Văn Toàn	01/10/1982	0106027565	01/2004	01/07/2023	Hà Nội
5	Nguyễn Duy Thịnh	11/10/1981	0109028620	01/2008	13/09/2023	Hà Nội
6	Trần Văn Sơn	23/01/1982	0106027530	01/2004	07/11/2023	Hà Nội
7	Trịnh Thị Loan	26/12/1981	0106027612	09/2004	01/11/2023	Hà Nội
8	Phạm Công Anh	26/11/1984	2609009027	03/2008	01/3/2023	Hà Nội

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ 1 lần/năm tại nơi làm việc; không phát sinh đối thoại đột xuất.

- Đang sử dụng thỏa ước lao động tập thể ban hành năm 2021 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Thỏa ước lao động có một số thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, thưởng lễ, tết, thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

- Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Đang áp dụng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 475/QĐ-CSSV ngày 13/9/2022 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng:

+ Đối với người lao động làm việc tại thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng (vùng I): 4.680.000 đồng/tháng.

+ Đối với người lao động làm việc tại Xí nghiệp Cao su Xuân Hòa và tỉnh Thái Bình (vùng II): 4.160.000 đồng/tháng.

- Thu nhập cao nhất: 56.307.240 đồng/người/tháng, thu nhập thấp nhất: 5.835.987 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân: 9.398.000 đồng/người/tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian đối với khối gián tiếp, văn phòng; theo sản phẩm đối với bộ phận trực tiếp sản xuất.

- Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trả lương bằng tiền mặt và qua tài khoản cá nhân. Người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến mở tài khoản và duy trì tài khoản.

- Đang sử dụng thang lương, bảng lương, định mức lao động ban hành tại quyết định số 459/QĐ-TCHC ngày 29/8/2022 của Tổng Giám đốc.

- Đã ban hành quy chế trả lương, thưởng cho người lao động kèm theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 03/4/2023 của Hội đồng Quản trị.

- Điều 18 của quy chế trả lương, thưởng quy định “người lao động được điều động đi làm thêm ngày thứ 7, chủ nhật. Lãnh đạo doanh nghiệp, đơn vị sắp xếp bố trí cho người lao động nghỉ bù vào ngày khác phù hợp. Nếu như đơn vị không bố trí được ngày nghỉ bù thì lương của người lao động làm vào ngày thứ 7, chủ nhật được tính như ngày làm việc bình thường” là chưa đúng quy định.

- Đã trả lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày lễ, tết, làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái pháp luật.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, cụ thể:

+ Đối với người lao động làm việc tại thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng, mức hỗ trợ tiền ăn ca là 21.000 đồng/người/ca ngày và 24.000 đồng/người/ca đêm.

+ Đối với người lao động làm việc tại Xí nghiệp Cao su Xuân Hòa, mức hỗ trợ tiền ăn ca là 23.800 đồng/người/ca ngày và 28.800 đồng/người/ca đêm.

+ Đối với người lao động làm việc tại tỉnh Thái Bình, mức hỗ trợ tiền ăn ca là 18.500 đồng/người/ca ngày và 21.500 đồng/người/ca đêm.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất (thực hiện làm việc 3 ca).

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, 16 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc doanh nghiệp.
- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.
- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh vụ việc xử lý kỷ luật lao động.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 237 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:
 - + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - + Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.
 - + Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

8.3. Đối với người lao động cao tuổi

- Số người lao động cao tuổi: 11 người.
- Doanh nghiệp thỏa thuận thời gian làm việc trong hợp đồng lao động với người lao động cao tuổi là 8 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần.
- Đã khám sức khỏe định kỳ cho người lao động cao tuổi 6 tháng/lần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã phân loại 327 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 33 người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (công việc luyện cao su).

- Số lao động có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 422 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ 05 nội dung và có ý kiến của Công đoàn cơ sở;

- Đã bố trí 04 người lao động làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, trong đó có 02 người làm theo chế độ chuyên trách có trình độ kỹ sư và kinh nghiệm trên 5 năm làm việc tại bộ phận kỹ thuật của doanh nghiệp.

- Đã bố trí 07 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp (04 y sỹ và 03 y tá) làm việc tại 03 nhà máy (mỗi cơ sở dưới 300 lao động), cụ thể: 03 người làm việc tại trụ sở chính, 01 người làm việc tại Xí nghiệp Luyện cao su Xuân Hòa, 03 người làm việc tại Chi nhánh Cao su Thái Bình.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 350/QĐ-TCHC ngày 05/7/2021 của Tổng giám đốc gồm 107 người, hưởng phụ cấp trách an toàn, vệ sinh viên mức 70.000 đồng/người/tháng. Đã ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 349/QĐ-CSSV ngày 01/7/2021 của Tổng giám đốc.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 83 máy, thiết bị (31 bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar, 06 nồi hơi, 02 hệ thống đường ống dẫn khí, 09 xe nâng hàng, 03 cầu trục, 05 pa lăng xích kéo tay, 20 pa lăng điện và 7 vận thăng nâng hàng) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và niêm yết tại nơi đặt máy, thiết bị.

- Việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

+ Đã thực hiện huấn luyện cho 736 người, trong đó: 279 người nhóm 3, 350 người nhóm 4 và 107 người nhóm 6 (doanh nghiệp huấn luyện nhóm 6 theo chương trình nhóm 4).

+ Chưa thực hiện huấn luyện định kỳ cho 26 người nhóm 1 và 04 người nhóm 2.

+ Số theo dõi huấn luyện nhóm 4 chưa có nội dung về thời gian huấn luyện và chữ ký của người được huấn luyện.

+ Chưa lưu giữ tài liệu huấn luyện.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa tươi) cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại (mức 1 là 13.000 đồng/ người đối với bộ phận cơ điện, thủ kho nguyên vật liệu, đóng gói, vệ sinh công nghiệp;

mức 2 là 20.000 đồng/ người đối với bộ phận ép, cán, sấy sản phẩm cao su, chế tạo băng tải, hàn, cơ khí; mức 3 là 26.000 đồng/người/ngày đối với bộ phận làm công việc luyện cao su, bốc xếp than đen thủ công, quét keo thành phẩm). Doanh nghiệp cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo tháng là không đúng quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp xảy ra 06 vụ tai nạn lao động (năm 2023: 04 vụ, năm 2024: 02 vụ), trong đó: 01 vụ tai nạn lao động nhẹ làm 01 người bị thương; 05 vụ tai nạn lao động nặng làm 05 người bị thương nặng, không có vụ tai nạn lao động chết người. 06 vụ tai nạn lao động đã được điều tra, lập biên bản điều tra và công bố biên bản điều tra đủ thành phần.

- Doanh nghiệp đã thực hiện chi trả các khoản tiền liên quan tới công tác y tế và tiền ngày nghỉ do tai nạn lao động cho người bị tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động: năm 2023, đã đo tổng số 718 mẫu, có 658 mẫu đạt yêu cầu, 60 mẫu không đạt yêu cầu (24 mẫu nhiệt độ, 10 mẫu ánh sáng, 22 mẫu tiếng ồn và 04 mẫu bụi).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám 06 tháng một lần và khám bệnh nghề nghiệp.

- Năm 2023, đã tổ chức khám bệnh diéc nghề nghiệp cho 191 người lao động làm việc nơi có tiếng ồn, kết quả: không phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 730 người.

+ Số người đã tham gia: 730 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 34 người đang hưởng chế độ hưu trí và 02 người thử việc. Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế vào cùng kỳ trả lương cho người lao động đang hưởng chế độ hưu trí.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 1.446.634.238 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.7. Đã thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đang sử dụng thang lương, bảng lương, định mức lao động ban hành tại Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 03/4/2023 của Hội đồng quản trị; đã ban hành quy chế trả lương, thưởng cho người lao động.

1.9. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.10. Đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động.

1.11. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.12. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.13. Doanh nghiệp không phát sinh vụ việc xử lý kỷ luật lao động; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.14. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.15. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế theo quy định.

1.16. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.17. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.18. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.19. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.20. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.21. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.22. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.23. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 730 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.24. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng học nghề đã giao kết với 09 người học nghề nhưng không có nội dung “thời hạn cam kết phải làm việc sau khi được đào tạo” là chưa đúng quy định tại khoản c điểm 2 Điều 62 Bộ luật Lao động.

2.2. Chưa ký hợp đồng thử việc và thỏa thuận đầy đủ các nội dung thử việc với 02 người thử việc theo quy định tại Điều 24 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động mục công việc phải làm ghi “do trưởng phòng trực tiếp phân công” hoặc “do giám đốc xí nghiệp trực tiếp phân công” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.4. Chưa trả trợ cấp thôi việc cho 08 người lao động (Nguyễn Văn Quốc, Vũ Thị Huế, Bùi Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Văn Sơn, Trịnh Thị Loan và Phạm Công Anh) theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Điều 8 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng trình tự quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.6. Điều 18 quy chế trả lương, thưởng quy định “người lao động được điều động đi làm thêm ngày thứ 7, chủ nhật. Lãnh đạo công ty, đơn vị sắp xếp bố trí cho người lao động nghỉ bù vào ngày khác phù hợp. Nếu như đơn vị không bố trí được ngày nghỉ bù thì lương của người lao động làm vào ngày thứ 7, chủ nhật được tính như ngày làm việc bình thường” là chưa đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.8. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 107 người lao động nhóm 6 (an toàn, vệ sinh viên) theo chương trình huấn luyện nhóm 4 là chưa bảo đảm chương trình huấn luyện, thời gian huấn luyện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.9. Chưa thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ cho 26 người nhóm 1 và 04 người nhóm 2 theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; hướng dẫn tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.10. Sổ theo dõi huấn luyện nhóm 4 chưa có nội dung về thời gian huấn luyện và chữ ký của người được huấn luyện theo mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định.

2.11. Chưa lưu giữ tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.12. Thực hiện cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo tháng là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, có hại (nguyên tắc bồi dưỡng bằng hiện vật phải thực hiện trong ca, ngày làm việc).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 04/4/2024 xử phạt vi phạm hành chính hành đối với doanh nghiệp với tổng số tiền xử phạt là 33.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 04/4/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Mục IV.

2. Khắc phục các sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.8, 2.9 và 2.12.
- Khắc phục sai phạm 2.5 khi phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *luu*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

